

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 134/2026/DSST

Ngày: 17-3-2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Hùng Phước**

**Ông Lê Thanh Tùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Văn Quốc** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2025/TLST- DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2026/QĐXX - ST ngày 11 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2026/QĐST-DS ngày 11/3/2026, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm 1966. Địa chỉ: **Khóm A, xã C, tỉnh Vĩnh Long**

Đại diện theo ủy quyền là ông **Ngô Hồng T1**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: **Số B V, phường B, thành phố Cần Thơ**. Văn bản ủy quyền ngày 11/8/2025. Ông **T1** có mặt.

\* **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1966. (*Vắng mặt*).

Bà **Huỳnh Phương D**, sinh năm 1969. *Có mặt*.

Cùng địa chỉ sinh sống: **Số H, khu V, phường H, thành phố Cần Thơ**.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông **Lê Hoàng L**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: G đường số G, KDC E, khu vực T, phường H, thành phố Cần Thơ.  
Có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

#### **\* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T là sui gia với ông Lê Hoàng L. Thông qua sự giới thiệu của ông L thì bà T mới biết và cho bị đơn Huỳnh Phương D, Nguyễn Văn K vay tiền. Tổng cộng bà T cho bị đơn vay 04 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 31/5/2024 bà Nguyễn Thị Bé T cho bị đơn vay 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng.

- Ngày 26/6/2024 bà T cho bị đơn vay 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng.

- Ngày 08/7/2024 bà T cho bị đơn vay 200.000.000 đồng.

- Ngày 26/7/2024 bà T cho bị đơn vay 300.000.000 đồng.

Tổng cộng bà T cho bị đơn vay là 800.000.000 đồng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả và cũng không đóng lãi suất cho bà T.

Do đó bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/7/2024 đến tháng 10/2025 là 15 tháng, mức lãi suất là 20%/năm, thành tiền là 200.000.000 đồng. Tổng cộng bị đơn phải trả cho bà T là 1.000.000.000 đồng. Ngoài ra, yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi từ tháng 11/2025 đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định.

#### **\* Bị đơn bà Huỳnh Phương D trình bày:**

Bị đơn bà Huỳnh Phương D thừa nhận có vay tiền của bà T thông qua ông L, cụ thể như sau:

- Ngày 31/5/2024 có ký biên nhận nợ và vay của bà Nguyễn Thị B T 100.000.000 đồng, đã trả lãi 5.000.000 đồng cho ông L thông qua chuyển khoản ghi nội dung “tra chi Tam mua VLXD”.

- Ngày 26/6/2024 có ký biên nhận nợ và vay của bà Nguyễn Thị Bé T 200.000.000 đồng, chưa đóng lãi lần nào.

- Ngày 08/7/2024 có ký biên nhận nợ và vay của bà Nguyễn Thị Bé T vay 200.000.000 đồng, chưa đóng lãi lần nào.

- Ngày 26/7/2024 chỉ thừa nhận ký tên và vay tiền của bà T 200.000.000 đồng nhưng chỉ nhận chuyển khoản từ ông L 175.000.000 đồng, ông L giữ lại 25.000.000 đồng để đóng lãi.

Đối với biên nhận ngày 26/7/2024 có ghi nội dung đã nhận tổng cộng số tiền là 800.000.000 đồng có ký tên nhưng đây là nợ gốc cộng với nợ lãi.

Bà D chỉ thừa nhận còn nợ bà T số tiền gốc là 725.000.000 đồng. Đối với yêu

cầu tính lãi thì bà **D** yêu cầu giải quyết theo quy định.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Hoàng L** trình bày:***

Ông **L** và bà **Nguyễn Thị Bé T** là sui gia. Vào năm 2024 ông **Nguyễn Văn K** và bà **Huỳnh Phương D** có nhờ ông hỏi vay tiền dùm để làm công trình. Do tin tưởng nên ông có giới thiệu vợ chồng bị đơn cho bà **T** để vay tiền. Ông là người cầm tiền của bà **T** giao cho ông **K** và bà **D** tổng số tiền là 800.000.000 đồng nhưng ký biên nhận tiền là bà **T** ký với vợ chồng ông **K** và bà **D**. Theo ông **L** nhớ thì bà **D** và ông **K** có trả lại cho bà **T** khoảng mười mấy triệu nhưng do giữa ông và bị đơn có nhiều khoản giao dịch vay tiền nên ông không nhớ chính xác đã đóng lãi cho bà **T** cụ thể là bao nhiêu. Nếu bị đơn ông **K**, bà **D** cung cấp được chứng cứ thể hiện ông nhận tiền đóng lãi cho bà **T** từ phía vợ chồng ông **K** và bà **D** thì ông **L** cũng thừa nhận.

***\* Bị đơn ông **Nguyễn Văn K** vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.***

Vụ án được hòa giải nhưng không thành. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi suất. Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, có điều chỉnh lại yêu cầu tính lãi là 10%/năm, từ ngày 26/7/2024 đến ngày 17/3/2026 là 01 năm 07 tháng 19 ngày, mức lãi suất tương đương 0.83%/tháng với số tiền là 130.365.333 đồng (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu làm tròn là 130.000.000 đồng) và lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án.

Bị đơn bà **Huỳnh Phương D** chỉ thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 725.000.000 đồng, bà **D** yêu cầu được khấu trừ số tiền lãi với số tiền là 75.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Hoàng L** vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

***\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ phát biểu quan điểm:***

- Về thủ tục tố tụng: Tòa thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải đúng luật định; gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn. Tại tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo luật định. Đối với bị đơn **Nguyễn Văn K** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 xét xử vắng mặt ông **K**.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. (Đính kèm bài phát biểu).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ đã vay và tiền lãi nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ tại số H, khu V, phường H, thành phố Cần Thơ nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

**[2] Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn ông Nguyễn Văn K là chồng của bà Huỳnh Phương D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bà D yêu cầu không đưa ông K tham gia tố tụng vì số nợ này không liên quan đến ông K. Xét thấy, biên nhận nợ là bà D và ông K đều có ký nhận và nguyên đơn yêu cầu cả ông K và bà D trả nợ nên yêu cầu không đưa ông K tham gia tố tụng của bà D là không có căn cứ. Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

**[3] Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự:**

3.1 Đối với số nợ gốc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 800.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 26/7/2024 (bút lục số 19). Quá trình tố tụng bị đơn bà Huỳnh Phương D cũng thừa nhận bà và chồng là ông Nguyễn Văn K do kẹt tiền làm ăn có nhờ ông Lê Hoàng L là sui gia với nguyên đơn vay tiền dùm nên ông L đứng ra tìm người vay tiền cho bị đơn khi giao tiền cho bị đơn thì ông L cũng có cho biết là tiền của bà T cho vay và bị đơn có ký biên nhận nhận tiền với bà T, lời trình bày của bà D1 là phù hợp với phần trình bày của ông L về số tiền vay cũng như người cho vay là bà T. Tuy nhiên việc giao nhận tiền là thông qua ông L. Bị đơn bà D thừa nhận ông L chỉ giao cho bà 725.000.000 đồng và bà đã đóng 75.000.00 đồng tiền lãi cho bà T. Tại phiên tòa, bà D thừa nhận có ký tên vào giấy mượn tiền ngày 26/7/2024 với số tiền là 800.000.000 đồng. Từ những căn cứ trên có thể xác định bị đơn có vay tiền của nguyên đơn thông qua giấy mượn tiền ngày

26/7/2024 với số tiền gốc là 800.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại số nợ gốc là 800.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

3.2 Đối với yêu cầu tính lãi: Căn cứ biên nhận ngày 26/7/2024 thì thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Quá trình tiến hành tố tụng bà **D** có cung cấp cho Hội đồng xét xử phiếu chuyển tiền lãi cho ông **L** với số tiền là 5.000.000 đồng nhưng ghi nội dung “tra chi **T2** mua VLXD”. Ông **L** thừa nhận việc đóng lãi từ bà **D**. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận việc trả lãi này, tuy nhiên nguyên đơn cho rằng đó là tiền lãi trước đó. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 26/7/2024 đến ngày xét xử, bà **D** không yêu cầu khấu trừ số tiền này. Ngoài ra, bà **D** cho rằng có đóng lãi cho bà **T** với số tiền là 75.000.000 đồng nhưng bà **D** cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc đóng lãi này do đó lời nại này là không có căn cứ để xem xét. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu tính lãi, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 26/7/2024 đến ngày 17/3/2026 là 01 năm 07 tháng 19 ngày, mức lãi suất tương đương 0.83%/tháng và lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án. Yêu cầu này là phù hợp theo quy định pháp luật tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn như sau  $(800.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%) \times 01 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 130.365.333 \text{ đồng}$  (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu làm tròn 130.000.000 đồng). Ngoài ra, bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất từ ngày 18/3/2026 đến khi thanh toán hết nợ.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Buộc bị đơn trả gốc và lãi cho nguyên đơn tính đến ngày 17/3/2026 với số tiền là 930.000.000 đồng; trong đó vốn gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi là 130.000.000 đồng.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định. Bị đơn ông **Nguyễn Văn K** được miễn án phí theo tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

5. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 235, 244, 264 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Bé T.**

Buộc bị đơn ông **Nguyễn Văn K** và bà **Huỳnh Phương D** trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng). Trong đó có 800.000.000 đồng (**T** trăm triệu đồng) nợ gốc và 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) nợ lãi.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì bị đơn còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà **Huỳnh Phương D** phải chịu 19.950.000 đồng (Mười chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí. Ông **Nguyễn Văn K** được miễn án phí.

Nguyên đơn được miễn tạm ứng án phí theo quy định.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 3;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Trung Hiến**